

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số:02/2018/HSST
Ngày:29/01/2018.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn D năm 1972 tại xã T, huyện T, tỉnh H, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 5/10, con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V, có vợ là Lê Thị L, chưa có con, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2018 đến ngày 06/01/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N- có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Vũ Văn T, sinh năm 1978 – Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện G tỉnh N

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (Là vợ bị cáo D) - có mặt

Trú tại : Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 15 giờ 00 ngày 04/01/2018 Trần Văn D điều khiển xe mô tô BKS 90H6-9746 đi từ nhà bố mẹ của D ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh H để về nhà mình. Khi đi qua vườn nhà anh Vũ Văn T, ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N, thấy trong vườn nhà anh T đang chăn thả dê, quan sát thấy không có ai ở nhà, cổng nhà cũng không khóa, nên D đã nảy sinh ý định vào chiếm đoạt dê nhà anh T. Sau đó D dấu xe máy ở bụi lau ven đường cách nhà anh T khoảng 100m rồi đi bộ theo lối sau vào vườn nhà anh Thiệu. D quan sát thấy 01 con dê cái lông màu xám đang đứng trong chuồng dê thò đầu ra ngoài qua ô lỗ trên tường của chuồng dê kích thước 50cmx35cm. D dùng tay phải thò qua lỗ túm vào chân, tay trái túm vào tai con dê kéo ra ngoài, D dùng chân đạp con dê xuống đất. tay trái ôm cổ con dê còn tay phải vòng qua bụng để ôm con dê đi ra chỗ cất dấu xe mô tô. Khoảng 16 giờ cùng ngày, trong khi D đang ôm con dê đi theo lối sau vườn nhà anh T để đi ra chỗ để xe mô tô, cách chuồng dê khoảng 20m thì anh T đi làm về phát hiện nên hô hoán và đuổi theo. D hoảng sợ thả con dê xuống đất và bỏ chạy lên dốc đồi, khi D chạy khoảng 30 m thì bị quần chúng nhân dân vây bắt. Anh T đã trình báo sự việc lên Công an huyện G đến lập biên bản phạm pháp quả tang.

Tại Quyết định truy tố số: 01/QĐ- VKS ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự(BLHS).

Tại phiên tòa hôm nay, ông Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi luận tội đã đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo D từ 06 đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô BKS 90H6-9746. Về trách nhiệm dân sự không đề nghị do không có yêu cầu.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt và trả lại xe mô tô BKS 90H6-9746 cho bị cáo.

Tại phiên tòa bà Lê Thị L có ý kiến là chiếc xe mô tô BKS 90H6-9746 là tài sản chung của bà và bị cáo D, việc bị cáo D sử dụng xe mô tô BKS 90H6-9746 vào việc phạm tội bà không biết. Đồng thời đây là tài sản lớn của vợ chồng bà. Vì vậy bà L đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe mô tô BKS 90H6-9746 cho bị cáo Trần Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện G đã lập biên bản phạm tội quả tang; lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; ra quyết định tạm giữ; tiến hành khám nghiệm hiện trường; lập biên bản xác định khối lượng con dê

cái lông màu xám; ra quyết định yêu cầu định giá tài sản; ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định khởi tố bị can; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định phân công Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự; quyết định phân công điều tra viên, cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự; quyết định áp dụng thủ tục rút gọn; ra lệnh tạm giam bị can; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện G phê chuẩn lệnh tạm giam bị can; ra lệnh nhập kho vật chứng, phiếu nhập kho vật chứng; lập biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, ra quyết định xử lý vật chứng; lập biên bản trả lại đồ vật, tài liệu; khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung bị can đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can; ra bản kết luận điều tra; tiến hành lập biên bản bàn giao các văn bản tố tụng cho bị can, người tham gia tố tụng khác, bàn giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện G đều đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự(BLTTHS).

- Trong quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hình sự; ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; ra quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam bị can; tiến hành giao Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cho bị can theo đúng quy định của BLTTHS.

- Tại phiên tòa, người bị hại Vũ Văn T, người làm chứng Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt những người này, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử nên Tòa án căn cứ Điều 292, 293 của BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên.

Về nội dung:

- Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời thú nhận của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 15 giờ 00 ngày 04/01/2018 Trần Văn D điều khiển xe mô tô BKS 90H6-9746 đi từ nhà bố mẹ của D ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh H theo đường qua địa phận thôn Đ xã G, huyện G, tỉnh N để về nhà mình. Khi đi qua vườn nhà anh Vũ Văn T, ở thôn Đ, xã G, huyện G, thấy nhà anh T không có ai ở nhà, cổng cũng không khóa, xung quanh lại vắng vẻ, trong vườn nhà anh T lại đang chăn thả dê, nên D đã nảy sinh ý định vào chiếm đoạt dê nhà anh T. Thực hiện ý định đó, D liền dắt xe máy ở bụi lau ven đường cách nhà anh T khoảng 100m rồi đi bộ theo lối sau vào vườn nhà anh T. D quan sát thấy 01 con dê cái lông màu xám đang đứng trong chuồng dê thò đầu ra ngoài qua ô lỗ trên tường của chuồng dê kích thước 50cmx35cm. D dùng tay phải thò qua lỗ túm vào chân, tay trái túm vào tai con dê kéo ra ngoài, rồi dùng chân đạp con dê xuống đất, tay trái ôm cổ con dê còn tay phải vòng qua bụng để ôm con dê đi ra chỗ cất giấu xe mô tô. Khoảng 16 giờ cùng ngày, trong khi D đang ôm con dê để tẩu thoát, đi cách chuồng dê khoảng 20m thì bị anh T đi làm về phát hiện nên hô hoán cùng mọi người bắt quả tang. Rõ ràng bị cáo đã lén lút, bí mật tiếp cận rồi chiếm đoạt được 01 con dê cái lông màu xám nặng 23kg có trị giá theo kết luận số 05 ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá là 2.875.000đ. Lời nhận

tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả và trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, VKSND huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo là người đã thành niên, đã có gia đình riêng, không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu chiếm đoạt tài sản ngay giữa ban ngày thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an thôn xóm. Đòi hỏi phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh bằng cách, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã được thu hồi nguyên vẹn trả cho người bị hại đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Về hình phạt bổ xung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được nhận lại nguyên vẹn tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên phần trách nhiệm dân sự không phải xử lý.

- Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 90H6-9746 là tài sản chung của bị cáo và vợ là bà Lê Thị L. Việc bị cáo sử dụng xe đi phạm tội bà L không biết. Hơn nữa hành động phạm tội của bị cáo là bột phát chứ không phải nẩy sinh ý định trộm cắp tài sản ngay từ khi mang xe mô tô đi từ đầu vì vậy cần trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho bị cáo là phù hợp.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

- Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội : “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điểm h, I, s, khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015(Sửa đổi, bổ sung năm

2017) xử phạt: Trần Văn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/01/2018.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô tô BKS 90H6-9746 Đặc điểm chi tiết theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 15/01/2018 giữa công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng (**Hai trăm nghìn đồng**) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOA

(đã ký)

NGUYỄN HỮU QUỐC